TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Ý YÊN
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21-11-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN, TỈNH NAM ĐỊNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Tiến Mãn
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Đức Hạnh
Bà Trương Thị Dung

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Bùi Thị Hồng Nhung - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 213/2019/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 9 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 213/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01/11/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn*:* Chị Nguyễn Thị Thu T - Sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn An Cao, xã An Đổ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu T1 - Sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn Phú Giáp, xã Yên Phong, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Có mặt chị T, vắng mặt anh T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các lời khai và tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Hữu T1 vào ngày 14/10/2015, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Phong, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định; anh chị kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được gần một năm đầu thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Anh T1 có tính ham chơi, lười lao động, sống không có trách nhiệm với vợ con. Vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, anh chị ly sống thân và chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng từ tháng 9/2018 cho đến nay. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được, nên đề nghị Tòa án giải quyết để chị được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có một con chung là cháu Nguyễn Thanh P, sinh ngày 21/3/2016. Hiện cháu P đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng, sau ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, báo gọi nhiều lần nhưng anh Nguyễn Hữu T1 không đến Tòa án để giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Hữu C là bố đẻ của anh Nguyễn Hữu T1 cho biết: Sau khi kết hôn, chị T chuyển hộ khẩu về chung sống với anh T1 tại gia đình ông. Vì có nghề tự do nên anh T1 và chị T có đến huyện Bình Lục để làm may. Mẫu thuẫn cụ thể thế nào gia đình ông không rõ, khoảng một năm nay anh T1 chị T không còn chung sống với nhau nữa. Việc chị T làm đơn xin ly hôn, gia đình ông và anh T1 đều biết. Các văn bản do Tòa án gửi cho anh T1, anh T1 đều nhận được. Anh T1 không đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với chị T là do công việc bận, không có thời gian đến Tòa án, anh không trốn tránh.

Đại diện địa phương cho biết: Anh T1 có hộ khẩu thường trú tại xã Yên Phong huyện Ý Yên, anh T1 thường xuyên sinh sống và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân tại địa phương. Việc ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định.

Do anh T1 vắng mặt nên Toà án không tiến hành hoà giải được và quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Chủ tọa phiên tòa công bố lý do đương sự vắng mặt, tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến đánh giá quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thụ lý, tiến hành thu thập chứng cứ và thực hiện các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn, bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình, xử ly hôn giữa chị T và anh T1; giao cháu Phương cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận ý kiến của chị T không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân chị T không yêu cầu nên không đề cập giải quyết; về án phí sơ thẩm ly hôn chị T phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu T thì Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Bị đơn cư trú tại huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt với những lý do chính đáng. Sau khi thụ lý vụ án, bị đơn đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ đến Tòa án để cung cấp các tài liệu chứng cứ, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh T1 vắng mặt không có lý do. Để mở lại phiên tòa này, Tòa án đã tiếp tục thực hiện tống đạt, thông báo đầy đủ, hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập phiên tòa lần hai nhưng anh T1 vẫn vắng mặt. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điểm a, b Khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Hữu T1 kết hôn ngày 14/10/2015, đăng ký kết hôn tai Ủy ban nhân dân xã Yên Phong, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị sống hòa thuận và có một con chung với nhau nhưng hạnh phúc không duy trì được. Mâu thuẫn phát sinh do bất đồng quan điểm sống, tính cách và lối sống của vợ chồng không hòa hợp, chưa biết chia xẻ cùng nhau những khó khăn. Nên từ tháng 9/2018 chị T chủ động rời xa anh T1, cho đến nay anh chị không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, anh chị đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị T và anh T1 có một con chung là Nguyễn Thanh P, sinh ngày 21/3/2016, hiện đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử thấy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung, nên chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cho chị T trực tiếp nuôi cháu Phương là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T, không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T và anh T1 có quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định tại Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của Điều 131 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày

30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Hữu T1.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh P, sinh ngày 21/3/2016 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Không ai được cản trở, quyền nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị Nguyễn Thị Thu T phải nộp là 300.000đồng, đối trừ với số tiền 300.000đ chị T đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0001249, ngày 30/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên. Chị T đã nộp đủ.

Chị T, anh T1 vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

(đã ký)

Vũ Tiến Mãn

Nơi nhận:
- Các đương sự ;
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- UBND xã Yên Phong;
- Lưu: HS, VP.